

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH H

---***---

Số: 73/2024/QĐST - HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

K, ngày 07 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 88/2024/TLST – HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thanh H1, sinh năm 1998; Đăng ký HKTT: Thị tứ B, xã H2, huyện K, tỉnh H; Hiện trú tại: Thôn V, xã V1, huyện K, tỉnh H.

Bị đơn: Anh Đỗ Xuân Đ, sinh năm 1995; Đăng ký HKTT và trú tại Thị tứ B, xã H2, huyện K, tỉnh H

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Đỗ Thị Tố U, sinh ngày 06/12/2015 và cháu Đỗ Tố N, sinh ngày 23/7/2018; Đều đăng ký HKTT: Thị tứ B, xã H2, huyện K; Hiện đều trú tại: Thôn V, xã V1, huyện K, tỉnh H. Giám hộ cho cháu U và cháu N là anh Đỗ Xuân Đ và chị Phạm Thị Thanh H1.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn Nhân Gia Đình năm 2015; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 15 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành lập ngày 30/5/2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30/5/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị Thanh H1 và anh Đỗ Xuân Đ.

2/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

***/ Về con chung:** Giao cháu Đỗ Thị Tố U, sinh ngày 06/12/2015 và cháu Đỗ Tố N, sinh ngày 23/7/2018 cho chị Phạm Thị Thanh H1 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu U và cháu N trưởng thành (đủ 18 tuổi).

***/ Về việc cấp dưỡng nuôi con chung:** Chị H1 và anh Đ đều thống nhất thỏa thuận: Kể từ tháng 06/2024 cho đến khi cháu Đỗ Thị Tố U, sinh ngày 06/12/2015 và cháu Đỗ Tố N, sinh ngày 23/7/2018 trưởng thành (đủ 18 tuổi) thì mỗi tháng anh Đ phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cho chị H1 là 1.500.000đ/01 tháng/01 cháu (Một triệu năm trăm nghìn đồng trên một tháng trên một cháu).

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật và chị H1 có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp, nếu anh Đ chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án và khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung nói trên thì phải chịu lãi theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn anh Đỗ Xuân Đ được quyền thăm nom con chung của mình theo quy định của pháp luật.

***/ Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp xây dựng đối với hai bên gia đình:** Chị H1 và anh Đ đều khẳng định vợ chồng không có gì liên quan nên không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

***/ Về án phí:** Chị Phạm Thị Thanh H1 tự nguyện nhận nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí LHST và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung và được anh Đỗ Xuân Đ nhất trí. Đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị H1 đã nộp theo biên lai thu số 0001242 ngày 08/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, nên việc nộp án phí đã xong.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HY;
- Đương sự;
- UBND xã H2;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện KC;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu H3

